

Số: 22 /TB-MNTT

Thượng Thanh, ngày 09 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 04 năm 2025

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường mầm non Thượng Thanh thông báo về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 04 năm học 2024 - 2025 như sau:

- Biểu mẫu công khai: chi tiết theo bảng lương kèm theo thông báo.
- Địa điểm niêm yết: Bảng công khai phòng hành chính trường mầm non Thượng Thanh.
- Hình thức niêm yết: Niêm yết tại bảng công khai phòng hành chính trường MN Thượng Thanh; cổng thông tin điện tử: mnthuongthanh.longbien.edu.vn
- Thời gian niêm yết: Từ ngày 08 tháng 04 năm 2025 đến hết ngày 11 tháng 04 năm 2025.
- Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Trong suốt thời gian công khai.
- Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc theo số điện thoại: 024.38772996, email: mnthuongthanh@longbien.edu.vn.
- Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Khi nhận được ý kiến có địa chỉ rõ ràng, ban công khai sẽ thống nhất và giải đáp kịp thời.

Nơi nhận:

- Ban công khai
 - CBGVNV
 - Lưu: VT (02).
- } để thực hiện;



Nguyễn Thị Thanh Hòa

Thượng Thanh, ngày 08 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của
CBGVNV tháng 04 năm 2025**

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ thông báo số 22/TB-MNTT ngày 08/04/2025 của trường mầm non Thượng Thanh về việc niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 04 năm 2025;

Hôm nay, vào hồi 08h15 ngày 08 tháng 04 năm 2025, tại Trường mầm non Thượng Thanh.

Thành phần tham dự gồm có:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	NV được giao
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Bà Vũ Ngọc Bích	CTCĐ - P. Hiệu trưởng	Phó ban
3	Bà Phạm Thị Khoa	TTCM	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Phương Mai	TTVP – NV kế toán	Thành viên
5	Bà Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NVND kiêm văn thư	Thư ký

+ Người chứng kiến: Bà Nguyễn Thị Lý –TTCM khối MGN

- Đã tiến hành niêm yết công khai bảng lương và các khoản thu nhập khác của CBGVNV tháng 04 năm 2025.

- Thời gian niêm yết: Từ ngày 08 tháng 04 năm 2025 đến hết ngày 11 tháng 04 năm 2025.

- Địa điểm niêm yết: Bảng công khai phòng hành chính trường mầm non Thượng Thanh.

- Hình thức niêm yết: Niêm yết tại bảng công khai phòng hành chính trường MN Thượng Thanh; cổng thông tin điện tử: mnthuongthanh.longbien.edu.vn.

Trong quá trình niêm yết công khai, nếu có ý kiến sẽ phản hồi trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc theo số điện thoại: 024.38772996, email: mnthuongthanh@longbien.edu.vn.

Biên bản lập xong vào hồi 08h40 ngày 08 tháng 04 năm 2025, đã được các thành phần cùng nghe và nhất trí thông qua.

NGƯỜI LẬP



Hoàng Thị Tuyết Ngọc

NGƯỜI CHỨNG KIẾN



Nguyễn Thị Lý

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VIÊN CHỨC THÁNG 04 NĂM 2025 (2.340.000)

DVT: Đồng

TT	Họ và tên	Tiền lương				Phụ cấp lương												Tổng trừ các khoản BHI 10,5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận
		HS	Thành tiền	Trừ BHI 10,5%	Thực lĩnh	Phụ cấp chức vụ				Phụ cấp thâm niên nhà giáo				PC ưu đãi nghề		PC trách nhiệm				
						HS	Thành tiền	Trừ BHI 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thành tiền	Trừ BHI 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh			
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	3,99	9.336.600	886.977	8.449.623	0,50	1.170.000	111.150	1.058.850	0,8531	1.996.254	189.644	1.806.610	1,5715	3.677.310			1.187.771	14.992.393	
2	Vũ Ngọc Bích	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138	0,35	819.000	85.995	733.005	0,5213	1.219.842	128.083	1.091.759	1,4035	3.284.190			1.113.340	12.774.092	
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019	0,35	819.000	85.995	733.005	0,3680	861.120	90.418	770.702	1,2880	3.013.920			994.594	11.491.646	
4	Nguyễn Thị Thanh Giang	4,27	9.991.800	1.049.139	8.942.661					1,0248	2.398.032	251.793	2.146.239	1,4945	3.497.130			1.300.932	14.586.030	
5	Lê Thị Tuyết Mai	3,65	8.541.000	896.805	7.644.195					0,6205	1.451.970	152.457	1.299.513	1,2775	2.989.350			1.049.262	11.933.058	
6	Đinh Thị Hoài	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,6666	1.559.844	163.784	1.396.060	1,0605	2.481.570			908.255	10.223.359	
7	Trần Thị Thu Hằng	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,5151	1.205.334	126.560	1.078.774	1,0605	2.481.570	0,2	468.000	871.031	10.374.073	
8	Phạm Thị Khoa	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,5328	1.246.752	130.909	1.115.843	1,1655	2.727.270	0,2	468.000	949.090	11.285.132	
9	Bùi Hồng Ngân	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138					0,5124	1.199.016	125.897	1.073.119	1,2810	2.997.540			1.025.159	11.735.797	
10	Đào Thị Phượng	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3939	921.726	96.781	824.945	1,0605	2.481.570			841.252	9.652.244	
11	Nguyễn Thị Thanh Huệ	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3636	850.824	89.337	761.487	1,0605	2.481.570			833.808	9.588.786	
12	Phạm Thị Thanh Hà	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3333	779.922	81.892	698.030	1,0605	2.481.570			826.363	9.525.329	
13	Đinh Thị Ngọc Dung	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,3663	857.142	90.000	767.142	1,1655	2.727.270			908.181	10.468.431	
14	Nguyễn Thị Lý	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,3663	857.142	90.000	767.142	1,1655	2.727.270	0,2	468.000	908.181	10.936.431	
15	Đỗ Thị Hương	3,33	7.792.200	818.181	6.974.019					0,3330	779.220	81.818	697.402	1,1655	2.727.270	0,2	468.000	899.999	10.866.691	

TT	Họ và tên	Tiền lương				Phụ cấp lương												Tổng trừ các khoản BII 10,5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận
		HS	Thành tiền	Trừ BII 10,5%	Thực lĩnh	Phụ cấp chức vụ				Phụ cấp thâm niên nhà giáo				PC ưu đãi nghề		PC trách nhiệm				
						HS	Thành tiền	Trừ BII 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thành tiền	Trừ BII 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh			
16	Hoàng Thị Thu Hương	3,03	7.090.200	744.471	6.345.729					0,3030	709.020	74.447	634.573	1,0605	2.481.570			818.918	9.461.872	
17	Chu Thị Thanh Hoa	3,00	7.020.000	737.100	6.282.900					0,2400	561.600	58.968	502.632	1,0500	2.457.000			796.068	9.242.532	
18	Lê Thị Ngọc	2,67	6.247.800	656.019	5.591.781					0,1869	437.346	45.921	391.425	0,9345	2.186.730			701.940	8.169.936	
19	Đinh Mỹ Linh	2,41	5.639.400	592.137	5.047.263					0,1446	338.364	35.528	302.836	0,8435	1.973.790			627.665	7.323.889	
20	Trịnh Thị Phương Thảo		0	0	0									0,8435	1.973.790			0	1.973.790	
21	Nguyễn Thị Phương Mai	3,66	8.564.400	899.262	7.665.138											0,2	468.000	899.262	8.133.138	
	Tổng cộng	65,80	153.972.000	16.073.694	137.898.306	1,2	2.808.000	283.140	2.524.860	8,6455	20.230.470	2.104.237	18.126.233	23,0125	53.849.250	1,0	2.340.000	18.461.071	214.738.649	

Số tiền (Bằng chữ): Hai trăm mười bốn triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng.

Ngày 08 tháng 04 năm 2025

KÊ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Mai



Nguyễn Thị Thanh Hòa

BẢNG TRUY LĨNH TIỀN LƯƠNG VIÊN CHỨC (2.340.000)

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Thời gian hưởng	Số tháng	Tiền lương						Phụ cấp lương							Tổng trừ các khoản BH 10,5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận
				HS cũ	HS mới	Chênh lệch	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	Phụ cấp thâm niên nhà giáo					PC ưu đãi nghề				
										Mức PC	HS	Thành tiền	Trừ BH 10,5%	Thực lĩnh	HS	Thực lĩnh			
1	Vũ Ngọc Bích	T8/2024-T3/2025	8	3,33	3,66	0,33	6.177.600	648.648	5.528.952	13%	0,0792	1.482.624	155.676	1.326.948	0,1155	2.162.160	804.324	9.018.060	
	Tổng cộng		8	3,33	3,66	0,33	6.177.600	648.648	5.528.952		0,0792	1.482.624	155.676	1.326.948	0,1155	2.162.160	804.324	9.018.060	

Số tiền (Bằng chữ) : Chín triệu không trăm mười tám nghìn không trăm sáu mươi đồng.

Ngày 08 tháng 04 năm 2025

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Phương Mai

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH

BẢNG THANH TOÁN TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NĐ111 THÁNG 04 NĂM 2025

ĐVT : Đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền công			Phụ cấp trách nhiệm		Tổng trừ các khoản BH 10.5%	Tổng số tiền thực lĩnh	Ký nhận
			Thành tiền	Trừ 10,5%BH	Thực lĩnh	Hệ số	Thực lĩnh			
1	Phùng Minh Tâm	Bảo vệ	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
2	Phùng Văn Kỳ	Bảo vệ	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
3	Nguyễn Thanh Tùng	Bảo vệ	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
4	Nguyễn Thị Liên	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
5	Ngô Thị Thùy Liên	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200	0,2	468.000	520.800	4.907.200	
6	Phạm Quang Tiến	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
7	Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NV nuôi dưỡng	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
8	Phạm Thị Cẩm Vân	Giáo viên	4.960.000	520.800	4.439.200			520.800	4.439.200	
Tổng cộng			39.680.000	4.166.400	35.513.600	0,2	468.000	4.166.400	35.981.600	

Số tiền (Bằng chữ) : Ba mươi lăm triệu chín trăm tám mươi một nghìn sáu trăm đồng.

Ngày 08 tháng 04 năm 2025

KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Mai



Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH

BẢNG NHẬN TIỀN KHOẢN CÔNG TÁC PHÍ THÁNG 04 NĂM 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ký nhận
1	Nguyễn Thị Phương Mai	Kế toán	300.000	
2	Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NV nuôi dưỡng kiêm Văn thư	300.000	
Tổng cộng			600.000	

Số tiền (Bằng chữ) : Sáu trăm nghìn đồng.

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Phương Mai

Ngày 08 tháng 04 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LÀM BÁN TRÚ + THỨ 7 THÁNG 3/2025

DVT : Đồng

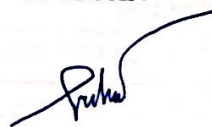
TT	Họ tên	Chức vụ	Bán trú			Thứ 7			Tổng tiền	Ký nhận
			Số công	Số tiền/công	Tổng	Số công	Số tiền/công	Tổng		
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Hiệu trưởng	20,5	91.800	1.881.900				1.881.900	
2	Vũ Ngọc Bích	P.Hiệu trưởng	21	91.800	1.927.800	4	359.000	1.436.000	3.363.800	
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	P.Hiệu trưởng	21	91.800	1.927.800	1	359.000	359.000	2.286.800	
4	Nguyễn T Thanh Giang	Giáo viên	20,5	91.800	1.881.900	3	359.000	1.077.000	2.958.900	
5	Lê Thị Tuyết Mai	Giáo viên	21	91.800	1.927.800	1	359.000	359.000	2.286.800	
6	Đinh Thị Hoài	Giáo viên	21	91.800	1.927.800	2	359.000	718.000	2.645.800	
7	Trần Thị Thu Hằng	Giáo viên	21	91.800	1.927.800	2	359.000	718.000	2.645.800	
8	Phạm Thị Khoa	Giáo viên	21	91.800	1.927.800	2	359.000	718.000	2.645.800	
9	Bùi Hồng Ngân	Giáo viên	20,5	91.800	1.881.900	2	359.000	718.000	2.599.900	
10	Đào Thị Phượng	Giáo viên	21	91.800	1.927.800	3	359.000	1.077.000	3.004.800	
11	Nguyễn Thị Thanh Huệ	Giáo viên	20	91.800	1.836.000	1	359.000	359.000	2.195.000	
12	Phạm Thị Thanh Hà	Giáo viên	21	91.800	1.927.800	2	359.000	718.000	2.645.800	
13	Đinh Thị Ngọc Dung	Giáo viên	21	91.800	1.927.800	2	359.000	718.000	2.645.800	
14	Nguyễn Thị Lý	Giáo viên	21	91.800	1.927.800	1,5	359.000	538.500	2.466.300	
15	Đỗ Thị Hương	Giáo viên	20	91.800	1.836.000	1	359.000	359.000	2.195.000	
16	Hoàng Thị Thu Hương	Giáo viên	21	91.800	1.927.800	1	359.000	359.000	2.286.800	
17	Chu Thị Thanh Hoa	Giáo viên	21	91.800	1.927.800	1,5	359.000	538.500	2.466.300	
18	Lê Thị Ngọc	Giáo viên	21	91.800	1.927.800	2,5	359.000	897.500	2.825.300	

TT	Họ tên	Chức vụ	Bán trú			Thứ 7			Tổng tiền	Ký nhận
			Số công	Số tiền/công	Tổng	Số công	Số tiền/công	Tổng		
19	Đinh Mỹ Linh	Giáo viên	20	91.800	1.836.000	3	359.000	1.077.000	2.913.000	
20	Phạm Thị Cẩm Vân	Giáo viên HD	20,5	91.800	1.881.900	3	359.000	1.077.000	2.958.900	
21	Nguyễn Thị Phương Mai	Kế toán	21	91.800	1.927.800	1	359.000	359.000	2.286.800	
22	Nguyễn Thị Liên	NV nuôi	21	91.800	1.927.800	1,5	359.000	538.500	2.466.300	
23	Nguyễn Thị Hà	NV nuôi	15,5	91.800	1.422.900	2	359.000	718.000	2.140.900	
24	Ngô Thị Thùy Liên	NV nuôi	21	91.800	1.927.800	1,5	359.000	538.500	2.466.300	
25	Phạm Quang Tiến	NV nuôi	21	91.800	1.927.800	1,5	359.000	538.500	2.466.300	
26	Hoàng Thị Tuyết Ngọc	NV nuôi	21	91.800	1.927.800	1	359.000	359.000	2.286.800	
27	Phùng Minh Tâm	Bảo vệ	7	91.800	642.600				642.600	
28	Phùng Văn Kỳ	Bảo vệ	7	91.800	642.600				642.600	
29	Nguyễn Thanh Tùng	Bảo vệ	7	91.800	642.600				642.600	
	Tổng cộng		556,5		51.086.700	47		16.873.000	67.959.700	

Số tiền (Bằng chữ) : Sáu mươi bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm đồng.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Phương Mai

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa

TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG THANH**DANH SÁCH CHI HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN TRỢ GIẢNG MÔN TIẾNG ANH, NĂNG KHIẾU THÁNG 03/2025**

ĐVT : Đồng

DVT : Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Môn Tiếng Anh			Môn năng khiếu (Vẽ, võ, múa)			Tổng cộng	Ký nhận
			Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền	Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền		
I	HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ				996.500			590.900	1.587.400	
1	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Hiệu trưởng			249.100			147.700	396.800	
2	Vũ Ngọc Bích	P.Hiệu trưởng			199.300			118.200	317.500	
3	Nguyễn Thị Thùy Linh	P.Hiệu trưởng			199.300			118.200	317.500	
4	Nguyễn Thị Phương Mai	Kế toán			174.400			103.400	277.800	
5	Lê Thị Tuyết Mai	Thủ quỹ			174.400			103.400	277.800	
II	HỖ TRỢ CHO GV TRỢ GIẢNG		24		1.742.400	40		1.032.000	2.774.400	
1	Chu Thị Thanh Hoa	GV lớp A1	4	72.600	290.400	8	25.800	206.400	496.800	
2	Đỗ Thị Hương	GV lớp A2	4	72.600	290.400	8	25.800	206.400	496.800	
3	Nguyễn Thị Lý	GV lớp B1	5	72.600	363.000	6	25.800	154.800	517.800	
4	Lê Thị Ngọc	GV lớp B2	3	72.600	217.800	8	25.800	206.400	424.200	
5	Bùi Hồng Ngân	GV lớp C1	2	72.600	145.200	4	25.800	103.200	248.400	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Môn Tiếng Anh			Môn năng khiếu (Vẽ, võ, múa)			Tổng cộng	Ký nhận
			Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền	Số ca	Số tiền/ca	Thành tiền		
6	Trần Thị Thu Hằng	GV lớp C2	6	72.600	435.600	6	25.800	154.800	590.400	
Tổng cộng(I+II)			24		2.738.900	40		1.622.900	4.361.800	

Số tiền (Bằng chữ) : Bốn triệu ba trăm sáu mươi một nghìn tám trăm đồng.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Phương Mai

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hòa